

Bản án số: 876/2023/HC-PT

Ngày: 04/12/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực thuế

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Trọng;

**Các Thẩm phán:** Bà Lê Thị Mai;  
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án vụ án hành chính thụ lý số 683/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”, do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13350/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Công ty TNHH V; Địa chỉ: Lô 1 CN4 cụm công nghiệp B, huyện B1, thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Kim Thị Thu H, chức vụ: Tổng giám đốc

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Gia H1, Giám đốc Công ty Luật TNHH TGT và ông Trịnh Quốc H2 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2022); Địa chỉ: Tòa nhà B2 đường B3, phường B4, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

**2. Người bị kiện:** Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội; Địa chỉ trụ sở: Số A1, phường A2, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quang H3, chức vụ: Phó Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số 84629/CTHN-NVDTPC ngày 30/11/2023); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H4, chức vụ: Trưởng phòng Thanh tra Kiểm tra số 1; có mặt.

- Ông Trần Mạnh H5, chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra Kiểm tra số 2; có mặt.

- Ông Tạ Hắc H6, chức vụ: Phó trưởng Phòng nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế; có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cục thuế thành phố Hà Nội;** Địa chỉ trụ sở: Số A1, phường A2, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quang H3, chức vụ: Phó Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền số 84629/CTHN-NVDTPC ngày 30/11/2023); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau:**

Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 do UBND TP Hà Nội cấp, trụ sở và nhà xưởng tại C, C1, Hà Nội. Ngày 30/9/2004, Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội điều chỉnh Giấy phép với các nội dung: Cơ sở sản xuất chuyển trụ sở vào Cụm công nghiệp B, Thanh Trì, Hà Nội và thời gian hoạt động thay đổi từ 40 lên 50 năm. Theo nội dung tại Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN, Công ty V được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động xuất khẩu như sau:

- Nghề kinh doanh: sản xuất quần áo và áo sơ mi cao cấp xuất khẩu;
- Năm tài chính: từ 1/4 đến 31/3 hàng năm;
- Thuế suất thuế TNDN: 10% áp dụng suốt đời sự án;
- Miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 4 năm tiếp theo.

Doanh nghiệp có lãi từ năm tài chính 2002 đã thực hiện nộp thuế TNDN. Doanh nghiệp hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN từ năm tài chính 2003 đến năm 2006; hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm tài chính 2007 đến năm 2010; doanh nghiệp đang kê khai và nộp thuế với thuế suất TNDN 10%

đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp từ khi thành lập cho đến hết năm tài chính 2016.

- Ngày 29/8/2016, Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành Quyết định kiểm tra số 56172/QĐ-CT-KT1 kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ Ngân sách năm 2013, 2014, 2015 đối với Công ty TNHH V. Năm 2016, Đoàn kiểm tra của Cục thuế Hà Nội tiến hành kiểm tra và lập biên bản kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty TNHH V (Biên bản không có ngày, không có chữ ký của bên bị kiểm tra) kết luận:

*“Truy hoàn thuế GTGT kỳ thuế từ tháng 4/2013 đến tháng 5/2014 số tiền là 14.000.000đ.*

*Giảm số thuế còn được khấu trừ đến thời điểm 31/12/2015, số tiền là 19.300.000đ. Như vậy số thuế GTGT còn được khấu trừ qua kiểm tra đến 31/12/2015 là 2.447.807.286 đồng.*

*Về thuế TNDN: Tăng thu qua kiểm tra: 22.500.694.833 đồng.*

*+ Năm 2013: 9.996.419.418đ;*

*+ Năm 2014: 7.345.867.073đ;*

*+ Năm 2015: 5.158.408.343đ;*

*Xác định số thuế TNDN phải nộp từ 2007 đến 2012 do bãi bỏ ưu đãi về thuế khi Việt Nam gia nhập WTO: 50.078.774.816đ.*

**Hành vi vi phạm:** Đơn vị có hành vi khai sai thuế GTGT, thuế TNDN, làm phát sinh số thuế phải nộp. Đơn vị đã vi phạm điểm 1, điều 12, Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

*Đề nghị Công ty TNHH V chấn chỉnh ngay các sai phạm trên*

*Truy thu thuế:*

*+ Thuế GTGT: 14.000.000 đồng;*

*+ Thuế TNDN: 22.500.694.833 đồng;*

*Phạt hành vi khai sai 20%: 4.502.938.967 đồng;*

*Tiền chậm nộp đối với hành vi khai sai qua kiểm tra: 7.357.198.520 đồng;*

*Đối với việc điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp từ năm 2007 đến năm 2012 do bãi bỏ ưu đãi về thuế khi Việt Nam gia nhập WTO: 50.078.774.816 đồng, đề nghị doanh nghiệp tự điều chỉnh ngay tờ khai thuế và nộp thuế vào NSNN và tự tính tiền chậm nộp theo Luật định”.*

- Ngày 29/7/2016, Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 50253/QĐ-CT-KT1 về việc kiểm tra thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2013, 2014, 2015 tại Công ty TNHH V. Năm 2017, Cục thuế thành phố Hà Nội có Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty V

Asia, xác định số thuế phải nộp từ năm 2007 đến năm 2012 số tiền 50.078.774.816 đồng (Biên bản không có ngày, không có chữ ký của bên bị kiểm tra). Ngày 29/6/2017, Cục trưởng Cục thuế Hà Nội ban hành Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 về việc xử phạt vi phạm về thuế với số tiền 4.502.938.967 đồng.

Công ty cho rằng ghi nhận trên Giấy phép đầu tư của Công ty đã được cơ quan nhà nước Việt Nam cấp theo đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam có hiệu lực tại thời điểm cấp phép. Đồng thời, các ưu đãi thuế TNDN này vẫn có hiệu lực và chưa bị bất kỳ văn bản nào sửa đổi, thay thế. Do đó, các ưu đãi thuế TNDN đó cần được bảo đảm áp dụng theo nguyên tắc bảo hộ đầu tư ngay cả trong trường hợp thay đổi pháp luật.

Đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/6/2017 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

## **2. Quan điểm của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

Ngày 29/08/2016, Cục Thuế Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 56172/QĐ-CT-KT1 kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2013, 2014, 2015 đối với Công ty TNHH V.

Theo thực tế kê khai của doanh nghiệp vẫn đang áp dụng mức ưu đãi thuế suất 10%. Tại Biên bản kiểm tra gửi doanh nghiệp, Cục Thuế Thành phố Hà Nội đã áp dụng mức ưu đãi cao nhất trên cơ sở các phương án doanh nghiệp được lựa chọn theo quy định tại khoản 8, Điều 1, Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ (đã được Cục Thuế Thành phố Hà Nội hướng dẫn tại Công văn 42447/CT-KTT1 ngày 29/06/2015). Theo đó, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm, miễn thuế TNDN 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ. Ngày 29/06/2017, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định xử lý vi phạm về thuế số 43892/QĐ-CT-KT1 đối với Công ty TNHH V. Căn cứ các nội dung trên, Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội xác định việc ban hành Quyết định xử lý vi phạm về thuế số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/06/2017 đối với Công ty TNHH V là đúng quy định pháp luật. Cục trưởng và Cục Thuế thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn khởi kiện của Công ty TNHH V.

**3. Ông Simon Kreye - Phó Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Đức trình bày:** Do có các thay đổi trong Luật Đầu tư của Việt Nam nên theo quan điểm của Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội và Cục Thuế thành phố Hà Nội, Công ty V Asia

không được tính vào diện được áp dụng tất cả các quy định hiện hữu về ưu đãi thuế mà Công ty đã được hưởng theo Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN do Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2002. Bên cạnh đó, Cục Thuế Hà Nội còn tiến hành các biện pháp cưỡng chế dựa trên các yêu cầu nộp thuế được cho là chính đáng. Từ nhiều năm nay, Công ty V phủ nhận tính hợp pháp của các yêu cầu thuế này. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có giải pháp thỏa đáng cho vụ việc, khiến Công ty không thể triển khai các dự án đầu tư tiếp theo. Do vậy, Công ty không còn giải pháp nào khác ngoài phương án đưa vụ việc ra xét xử tại Tòa án. Để tránh các thiệt hại tiếp theo cho Công ty V Asia cũng như quan hệ kinh tế song phương giữa Đức và Việt Nam, đề nghị Quý Tòa sớm đưa ra một phán quyết công bằng dựa trên pháp luật Việt Nam và quốc tế cũng như Hiệp định bảo hộ đầu tư đã được ký kết giữa hai Chính phủ để tìm ra giải pháp giúp Công ty V có thể tiếp tục sản xuất các sản phẩm cao cấp trong tương lai, đặc biệt là trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã: *Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hành chính.*

*Căn cứ Điều 21 Luật đầu tư 1996; Điều 11 Luật Đầu tư 2005, Điều 20 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và điều 13 Luật đầu tư 2014*

*Căn cứ khoản 1 điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

**Xử:**

1. *Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về phần truy hoàn thuế GTGT thuế (TM 1701) số tiền là 14.000.000đ*

2. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V:*

- *Hủy một phần Quyết định về việc xử phạt vi phạm về thuế số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/06/2017 của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội “về phần truy thu thuế TNDN (TM 1052) và xử phạt vi phạm về thuế”.*

3. *Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về phần truy hoàn thuế GTGT thuế (TM 1701) số tiền là 14.000.000đ.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo luật định. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2023 người bị kiện có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

**5. Tại phiên tòa:**

**5.1.** Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Công ty cho rằng ghi nhận trên Giấy phép đầu tư của Công ty đã được cơ quan nhà nước Việt Nam cấp theo đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam có hiệu lực tại thời điểm cấp phép. Các ưu đãi thuế TNDN này vẫn có hiệu lực và chưa bị bất kỳ văn bản nào sửa đổi, thay thế. Do đó, các ưu đãi thuế TNDN đó cần được bảo đảm áp dụng theo nguyên tắc bảo hộ đầu tư ngay cả trong trường hợp thay đổi pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

**5.2.** Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/06/2017 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đã được Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ và Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính. Các hướng dẫn của Cục Thuế thành phố Hà Nội đối với Công ty V Asia về việc lựa chọn ưu đãi thuế TNDN theo các điều kiện thực tế đáp ứng như nêu tại Công văn số 42447/CT-KTT1 ngày 29/06/2015 và Công văn số 58868/CT-KTTH ngày 15/09/2015 là hoàn toàn đúng với tinh thần của Công văn số 15640/BTC-CST ngày 29/10/2014 của Bộ Tài chính và Công văn số 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, Công ty không đáp ứng được bất kỳ phương án đề xuất nào nêu tại Công văn số 15640/BTC-CST ngày 29/10/2014 của Bộ Tài chính do Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh tại cụm công nghiệp (không phải khu công nghiệp), số lượng lao động của Công ty tại thời điểm trước và trong năm 2007 không năm nào đủ 500 người, trong khi Chính phủ Việt Nam có quy định mức ưu đãi khác nhau giữa các cơ sở kinh doanh thành lập tại khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Ngoài ra, Cục thuế thành phố Hà Nội luôn thông tin đầy đủ và kịp thời tới cộng đồng doanh nghiệp tất cả các chính sách của Nhà nước Việt Nam về việc ưu đãi hỗ trợ về thuế GTGT, TNDN, phí, lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn, lưu thông nguồn vốn, thu hút đầu tư. Việc xử lý vi phạm về thuế đối với Công ty V Asia không vi phạm bất kỳ chính sách nào của Nhà nước Việt Nam về việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Căn cứ vào Điều 6 Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, việc pháp luật Việt Nam quy định chấm dứt ưu đãi thuế TNDN đối với các doanh nghiệp dệt may từ năm 2007 là hoàn toàn phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cho phép các

doanh nghiệp bị ảnh hưởng được lựa chọn mức ưu đãi thuế TNDN khác để hỗ trợ các doanh nghiệp và hầu như tất cả các doanh nghiệp bị ảnh hưởng đều tuân thủ và lựa chọn mức ưu đãi phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, trừ Công ty V Asia. Việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội phán quyết có lợi cho Công ty V Asia, không phù hợp với quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ sẽ khiến cho nhiều doanh nghiệp khác sẽ có ý kiến để được hưởng mức ưu đãi đã được cấp trước đó, dẫn đến thất thu cho ngân sách Nhà nước.

### **5.3. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự luật định.

- Về nội dung:

+ Hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi có Quyết định số 56172/QĐ-CT-KT1 ngày 29/8/2016 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về việc kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2013, 2014, 2015 tại Công ty TNHH V, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty và thể hiện bằng “Biên bản kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty TNHH V” không có ngày, tháng vào năm 2016 tại trụ sở của Doanh nghiệp; không có đại diện doanh nghiệp tham gia và cũng không có chữ ký của đại diện doanh nghiệp. Sau đó Cục Thuế Hà Nội căn cứ Quyết định số 50253/QĐ-CT-KT1 ngày 29/7/2016 của Cục Thuế Hà Nội về việc kiểm tra thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2013, 2014, 2015 tại Công ty V và ban hành “Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty TNHH V” vào năm 2017 mà không có ngày tháng, không có tên đại diện doanh nghiệp tham gia hay chữ ký của doanh nghiệp. Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế căn cứ vào Quyết định số 50253/QĐ-CT-KT1 ngày 29/7/2016 của Cục Thuế Hà Nội về việc kiểm tra thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2013, 2014, 2015 để ban hành tuy nhiên tại “Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty TNHH V” chưa nêu rõ ngày tháng cũng như các nội dung về người đại diện doanh nghiệp tham gia, chữ ký của đại diện doanh nghiệp để xác định trình tự thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43892 đã đúng theo trình tự quy định tại Điều 27 Thông tư số 166 ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế hay chưa?

Theo tài liệu thể hiện Công ty TNHH V là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài của Cộng hòa Liên Bang Đức được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN cấp ngày 31/12/2002 của UBND thành phố Hà Nội có trụ sở tại Xưởng sản xuất tại Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với

ngành nghề sản xuất, xuất khẩu áo sơ mi nam nữ cao cấp, xuất khẩu 100% sản phẩm.

Ngày 30/09/2004, Công ty TNHH V điều chỉnh Giấy phép đầu tư về các nội dung Cơ sở sản xuất chuyển tới Cụm công nghiệp B, Thanh Trì, Hà Nội; Thời gian hoạt động thay đổi từ 40 năm lên 50 năm; Giấy phép này còn quy định các nội dung khác trong Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN cấp ngày 31/12/2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý. Căn cứ vào Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 và hồ sơ đề xuất của Công ty, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội thực hiện cấp Giấy phép đầu tư cho Công ty ngày 24/10/2006 Giấy phép đầu tư số 156/GCNĐCT-KCN-HN. Trong các Giấy phép đầu tư kể trên thì Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cụ thể: Áp dụng thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi, giảm thuế 5 năm tiếp theo. Kể từ tháng 6/2006 Công ty tăng nguồn lực lao động lên trên 500 lao động và trên 90% là lao động nữ.

Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TNDN và Phần I điểm 9 Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính có nội dung bãi bỏ các nội dung hướng dẫn về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về sử dụng nguyên liệu trong nước, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về xuất khẩu của hoạt động dệt, may quy định tại các văn bản do Bộ Tài chính và các ngành ban hành kể từ kỳ tính thuế 2007. Cơ sở kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dệt may nếu đáp ứng các điều kiện ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu) thì tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện cơ sở kinh doanh cho thời gian ưu đãi còn lại. Tuy nhiên, những quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP và Thông tư 134/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính vẫn chưa xem xét hết đến các cam kết của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài trước thời điểm Việt Nam tham gia WTO theo Luật Đầu tư nước ngoài 1996, Luật Đầu tư 2005, Luật đầu tư 2014.

Kể từ năm 2008 tới nay, Công ty đã có nhiều văn bản gửi Cục Thuế Hà Nội, Tổng Cục Thuế xin đề nghị có hướng giải quyết cho Công ty. Ngày 14/08/2014, Bộ Tài chính có Văn bản số 11335/BTC-CST gửi Thủ tướng Chính phủ về việc chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp để trả lời Công ty V: *“về kiến nghị của Công ty TNHH V có liên quan đến ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp bị chấm dứt ưu đãi theo điều kiện tỷ lệ xuất khẩu của hoạt động dệt may do cam kết WTO, hiện nay Bộ Tài chính đang nghiên cứu báo cáo cơ quan có*



*thẩm quyền, khi có ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn để Công ty TNHH V thực hiện”.*

Văn bản số 15640/BTC-CST ngày 29/10/2014, Bộ Tài chính trả lời những thắc mắc của Công ty V Asia như sau: Kiến nghị của Công ty V Asia đã được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 11518/BTC-CST ngày 18/08/2014 và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ. Theo đó, Công ty có thể lựa chọn để chuyển đổi ưu đãi thuế do đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế TNDN khác ngoài đáp ứng điều kiện về xuất khẩu kể từ năm 2007 theo các phương án cụ thể sau:

a) Tại thời điểm Công ty được cấp giấy phép thành lập, theo Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ thì dự án sản xuất khu công nghiệp được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%; miễn thuế TNDN 1 năm, giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 2 năm tiếp theo (Theo đó, kể từ năm 2007 Công ty được lựa chọn áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho thời gian còn lại; không còn được miễn giảm thuế TNDN).

b) Theo Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ thì Dự án sản xuất trong khu công nghiệp được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% suốt đời dự án, miễn thuế.

c) Theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ thì dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5000 lao động thuộc lĩnh vực danh mục ưu đãi đầu tư Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP thì cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư được áp dụng thuế TNDN 20% trong 10 năm. Kể từ tháng 6/2006, Công ty đáp ứng điều kiện sử dụng từ 500 lao động trở lên nên áp dụng thuế TNDN là 20% trong thời gian 10 năm từ năm 2002 đến hết năm 2011 (Theo đó kể từ năm 2007 Công ty được lựa chọn hưởng thuế suất thuế TNDN 20% cho 4 năm).

d) Tại thời điểm bị chấm dứt ưu đãi theo điều kiện về xuất khẩu: theo quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 thì cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án sản xuất trong khu công nghiệp được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% trong 12 năm, miễn 3 năm, giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (Theo đó, kể từ năm 2007 Công ty được lựa chọn áp dụng thuế TNDN 15% trong 07 năm: giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo).

Như vậy, Công ty được lựa chọn để chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN theo các điểm a, b, c, d nêu trên, trong đó phương án có lợi là phương án nêu tại điểm b hoặc điểm c (kể từ năm 2007 được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% cho thời gian còn lại của dự án hoặc được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15%

trong 07 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo). Trường hợp cần đảm bảo môi trường đầu tư, nhất quán với những nguyên tắc của Luật Đầu tư kiến nghị cho phép kết hợp doanh nghiệp được chọn thuế suất 15% cho thời gian còn lại và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 05 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Ngày 25/03/2015, Công ty V Asia đã có văn bản gửi Cục Thuế Hà Nội, Tổng cục Thuế, để thông báo việc kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 15% cho thời gian còn lại của dự án và tiếp tục đề nghị xem xét đến những thiệt hại của Công ty khi có sự thay đổi pháp luật.

Tuy nhiên, tại Văn bản số 42447/CT-KTT1 ngày 29/06/2015 và Văn bản số 58868/CT-KTTH ngày 15/09/2015, Cục Thuế Hà Nội hướng dẫn Công ty lựa chọn ưu đãi thuế TNDN do thực hiện cam kết WTO “Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất kinh doanh, miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 05 năm tiếp theo” và đưa ra quan điểm cho rằng Công ty là doanh nghiệp không nằm trong khu công nghiệp và không sử dụng thường xuyên 500 lao động trở lên nên không đủ điều kiện áp dụng tại Công văn 15640/BTC-CST là không đúng với tinh thần của Công văn 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ và của Giấy Chứng nhận đầu tư.

Trong hai năm 2016, 2017, Cục Thuế Hà Nội tiến hành kiểm tra về việc chấp hành pháp luật thuế của Công ty (biên bản không có ngày, tháng) và đưa ra kết luận về thuế suất thuế TNDN trong các năm như sau: Năm 2013 áp dụng thuế suất 22-25%, năm 2014 áp dụng thuế suất 22%; Năm 2015 áp dụng thuế suất 22-20%. Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế (biên bản không có ngày, tháng), ngày 29/06/2017 Cục Thuế Hà Nội ban hành Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 về việc xử phạt về thuế và xử phạt vi phạm đối với Công ty V Asia tổng các khoản truy thu và phạt là 34.374.832.321 đồng. Xét thấy Quyết định số 43892/QĐ-CT-KTI xử phạt về thuế và xử phạt vi phạm ngày 29/06/2017 của Cục Thuế Hà Nội đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V Asia, vi phạm các quy định của pháp luật đầu tư, không cân nhắc đến đề nghị tại văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính tại các văn bản hướng dẫn Công ty kê khai nộp thuế TNDN là chưa phù hợp và làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của công ty, gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội bác kháng cáo của người bị kiện Cục thuế Hà Nội; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử xét thấy:*

### **[1] Về tố tụng:**

- Công ty V khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/6/2017 của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội là quyết định hành chính được ban hành trong quá trình quản lý thuế nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xác định quyết định này là đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/6/2017, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1, ngày 19/12/2017, Công ty TNHH V làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy quyết định trên là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội được thực hiện đúng trình tự thủ tục và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**[2] Xét kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử thấy như sau:**

[2.1] Xét tính hợp pháp của Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2002.

- Về thẩm quyền và trình tự ban hành: Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Công ty V Hà Nội (nay là Công ty TNHH V) Công ty có trụ sở chính và nhà xưởng sản xuất tại phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 115 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ, việc UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 như trên là đúng thẩm quyền và trình tự ban hành.

- Về nội dung liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của Công ty: Theo Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2002, Công ty V Asia (gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư của nước ngoài (Đức) với ngành nghề là sản xuất, xuất

khẩu áo sơ mi nam nữ cao cấp, xuất khẩu 100% sản phẩm. Tại Điều 5 của Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN cấp ngày 31/12/2002 ghi nhận Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cụ thể như sau: Áp dụng thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm thuế 50% trong 4 năm tiếp theo. Căn cứ vào Điểm b Khoản 3 và Điểm a Khoản 4 Điều 46, Khoản 3 Điều 48 và Mục I Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ, các ưu đãi thuế TNDN nêu trên được cấp cho Công ty là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/06/2017 của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

- Về hình thức, thẩm quyền và trình tự ban hành: Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/06/2017 được Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành theo đúng quy định về hình thức, thẩm quyền và trình tự ban hành quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục thuế và Điều 62 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP.

- Về nội dung quyết định:

Theo Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2002, Công ty V Hà Nội được hưởng ưu đãi về thuế TNDN là được áp dụng thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm thuế 50% trong 4 năm tiếp theo.

Tại Giấy phép điều chỉnh số 156/GPĐC1-KCN-HN do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 30/09/2004, Công ty V Hà Nội có nội dung điều chỉnh địa chỉ và thời hạn hoạt động do Công ty chuyển trụ sở chính và nhà xưởng sản xuất từ phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đến Cụm công nghiệp B, huyện B1, thành phố Hà Nội, đồng thời thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty từ 40 năm lên 50 năm. Điều 3 đã quy định rằng mọi điều khoản khác của Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 156/GCNPĐC2-KCN-HN ngày 24/10/2006 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty có nội dung điều chỉnh tên Công ty và vốn đầu tư, cụ thể: đổi tên Công ty thành “Công ty TNHH V” và tăng vốn đầu tư từ 1.686.000 USD lên 4.848.000 USD. Điều 2

của Giấy phép điều chỉnh này cũng quy định: Mọi điều khoản khác của Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp giữ nguyên giá trị pháp lý.

Như vậy, các giấy phép nêu trên đã được UBND thành phố Hà Nội và Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp theo đúng thẩm quyền và theo các giấy phép này, Công ty vẫn được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN (cụ thể là được áp dụng thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm thuế 50% trong 4 năm tiếp theo) là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các quy định tại Điều 21 Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 1996, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 2000 và khoản 2 Điều 11 Luật Đầu tư 2005, trường hợp pháp luật, chính sách mới ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp mà nhà đầu tư đã được hưởng trước khi quy định của pháp luật, chính sách đó có hiệu lực thì nhà đầu tư được bảo đảm hưởng các ưu đãi như quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. Ngoài ra, một trong các điều ước quốc tế đang có hiệu lực áp dụng mà Việt Nam đã ký kết có đề cập đến nguyên tắc bảo hộ đầu tư chính là Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng Hòa Liên Bang Đức năm 1993. Khoản 2 Điều 8 của Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau giữa Việt Nam và Đức năm 1993 quy định: “mỗi Bên ký kết sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ khác mà họ đã cam kết với đầu tư của công dân hay công ty của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình”. Như vậy, ngay cả trong trường hợp thay đổi pháp luật thì nhà đầu tư nước ngoài vẫn được tiếp tục áp dụng các ưu đãi đầu tư đã được cấp trước đó.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TNDN và Phần I điểm 9 Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính có nội dung bãi bỏ các nội dung hướng dẫn về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về sử dụng nguyên liệu trong nước, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về xuất khẩu của hoạt động dệt, may quy định tại các văn bản do Bộ Tài chính và các ngành ban hành kể từ kỳ tính thuế 2007. Cơ sở kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dệt may nếu đáp ứng các điều kiện ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu) thì tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện cơ sở kinh doanh cho thời gian ưu đãi còn lại.

Việc Cục thuế thành phố Hà Nội căn cứ vào các quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP và Thông tư 134/2007/TT-BTC để bãi bỏ các ưu đãi về thuế TNDN được ghi nhận trên Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 do

UBND thành phố Hà Nội và các giấy phép điều chỉnh của Công ty V Asia nhưng chưa xem xét hết đến các cam kết của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài trước thời điểm Việt Nam gia nhập vào WTO, chưa phù hợp với quy định về bảo hộ đầu tư nêu tại các văn bản pháp luật Việt Nam tại từng thời kỳ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, trong đó có Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Liên Bang Đức năm 1993.

Ngày 29/10/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 15640/BTC-CST để trả lời những thắc mắc của Công ty V Asia về chính sách ưu đãi thuế TNDN như sau: Kiến nghị của Công ty V Asia đã được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ (tại Công văn số 11518/BTC-CST ngày 18/08/2014) và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Công văn 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ. Theo đó, Công ty có thể lựa chọn để chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế TNDN khác ngoài đáp ứng điều kiện về xuất khẩu kể từ năm 2007 theo 4 phương án cụ thể như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã trình bày.

Ngày 25/03/2015, Công ty V Asia đã gửi Công văn số 03-01/VL-ASIA tới Cục thuế thành phố Hà Nội và Tổng cục thuế để thông báo về việc kê khai thuế TNDN theo mức thuế suất 15% cho thời gian còn lại của dự án và tiếp tục đề nghị xem xét đến những thiệt hại của Công ty khi có sự thay đổi pháp luật.

Tuy nhiên, tại Công văn số 42447/CT-KTT1 ngày 29/06/2015 và Công văn số 58868/CT-KTTH ngày 15/09/2015, Cục thuế thành phố Hà Nội đã hướng dẫn Công ty lựa chọn ưu đãi thuế TNDN do thực hiện cam kết WTO như sau: “Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất kinh doanh, miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo” và đưa ra quan điểm cho rằng Công ty là doanh nghiệp không nằm trong khu công nghiệp và không sử dụng thường xuyên 500 lao động trở lên nên không đủ điều kiện áp dụng Công văn số 15640/BTC-CST ngày 29/10/2014 của Bộ Tài chính. Quan điểm của Cục thuế thành phố Hà Nội tại các văn bản nêu trên là không đúng với tinh thần của Công văn số 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ, chưa phù hợp với bối cảnh kinh tế của Việt Nam khi mà việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và ổn định môi trường kinh doanh thu hút đầu tư nước ngoài là điều vô cùng cần thiết.

Năm 2016, 2017, Cục thuế thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế của Công ty V. Theo Biên bản kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty V Asia đề năm 2016 và Biên bản xác nhận số

liệu kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế tại Công ty V Asia đề năm 2017 (các biên bản không có ngày, tháng) Cục Thuế Hà Nội đã kết luận về thuế suất thuế TNDN trong các năm như sau: Năm 2013 áp dụng thuế suất 22-25%; Năm 2014 áp dụng thuế suất 22%; Năm 2015 áp dụng thuế suất 22-20%. Theo đó, ngày 29/06/2017, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với Công ty V Asia. Quyết định này là vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ đầu tư (Điều 21 Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 1996, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 2000, khoản 2 Điều 11 Luật Đầu tư 2005 và khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư 2014), vi phạm khoản 2 Điều 8 của Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng Hòa Liên Bang Đức năm 1993, đồng thời không cân nhắc đến những chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ cũng như Bộ Tài chính nêu tại Công văn số 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ, Công văn số 11518/BTC-CST ngày 18/08/2014 và Công văn số 15640/BTC-CST của Bộ Tài chính.

Các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc xác định ưu đãi thuế TNDN áp dụng đối với trường hợp của Công ty V như Công văn số 2348/BTC-TCT ngày 03/03/2009 v/v ưu đãi thuế TNDN, Công văn số 11518/BTC-CST ngày 18/08/2014 v/v chính sách ưu đãi thuế TNDN, Công văn số 15640/BTC-CST ngày 29/10/2014 v/v chính sách ưu đãi thuế TNDN,... cũng mới chỉ xem xét đến các ưu đãi khác về thuế TNDN khi ưu đãi về thuế suất thuế TNDN 10% ghi trong Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 và các Giấy phép điều chỉnh của Công ty bị bãi bỏ theo Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ. Tuy nhiên, trên cơ sở xem xét các ưu đãi khác (áp dụng đối với các điều kiện khác ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) được xác định tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000, Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/03/2003, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ thì nhận thấy rằng mức ưu đãi cao nhất về thuế suất thuế TNDN theo các nghị định này cũng chỉ là 15% nên kém thuận lợi hơn mức ưu đãi thuế suất thuế TNDN 10% được ghi nhận trên Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 và các giấy phép điều chỉnh của Công ty. Như vậy, kể cả trong trường hợp áp dụng các ưu đãi khác nêu trên thì cũng không đảm bảo nguyên tắc bảo hộ đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam tại từng thời kỳ và Hiệp định về khuyến khích và

bảo hộ đầu tư lẫn nhau giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng Hòa Liên Bang Đức năm 1993.

Ngoài ra, việc Cục thuế thành phố Hà Nội có những báo cáo, nhận định về số lao động của Công ty không đủ 500 lao động (490 lao động) và Công ty không nằm trong khu công nghiệp là không xem xét đến các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm cấp phép (cụ thể: Nghị định số 36-CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 20/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Quyết định số 158/BKH/KCN ngày 26/06/1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào khu công nghiệp và khu chế xuất). Ngoài ra, việc Cục thuế thành phố Hà Nội căn cứ vào các tiêu chí về số lượng lao động và địa điểm dự án không nằm trong khu công nghiệp để bãi bỏ các ưu đãi về thuế TNDN mà Công ty đã lựa chọn áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính dù cho những ưu đãi đó đều thấp hơn các ưu đãi về thuế TNDN ghi nhận trên Giấy phép đầu tư số 156/GP-HN ngày 31/12/2002 do UBND thành phố Hà Nội và các giấy phép điều chỉnh của Công ty cũng là vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ đầu tư và các chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính nêu tại Công văn số 7771/VPCP-QHQT ngày 06/10/2014 của Văn phòng Chính phủ, Công văn số 11518/BTC-CST ngày 18/08/2014 và Công văn số 15640/BTC-CST của Bộ Tài chính.

Từ những phân tích, nhận định như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 43892/QĐ-CT-KT1 ngày 29/06/2017 của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội về phần truy thu thuế TNDN (TM1052) và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội.

**[3] Về án phí:** Do kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**



*Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,*

**Xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí:

Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001933 ngày 13/7/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Xuân Trọng**